

ベトナム語
Tiếng Việt

つか におう! ほんご 日本語

こ どもを そだ 育てるときなど

Hãy sử dụng! Tiếng Nhật
~ Khi nuôi dạy con cái, v.v... ~



こ どもを そだ 育てるときに、ほんご 日本語が できると
いいことが たくさん あります!

Sẽ có rất nhiều điều tốt nếu biết tiếng Nhật khi nuôi dạy con cái!

ほんご 日本語を べん きょう 勉強してみませんか?
Bạn có muốn học tiếng Nhật thử không?

作成: 2022年2月 発行: 港区地域力推進室 [電話番号] 052-654-9621 [FAX番号] 052-651-6179

Prepared February 2022 Issued by Minato-ku Community Cooperation Promotion Office

Telephone number: 052-654-9621 Fax number: 052-651-6179

※日本語のみ 月曜日から金曜日(祝休日・年末年始を除く) 午前8時45分から午後5時15分まで

Note: In Japanese only, Monday through Friday (except national holidays and the year-end and New Year period)
8:45 am to 5:15 pm

この紙は、^{かみ}ここから ダウンロードできます。
This paper can be downloaded from here.



この冊子は、港区に住む外国人有志・その他各種団体の
協力を得て、一般財団法人自治体国際化協会の助成に
より作成されました。



一般財団法人
自治体国際化協会

がいこくじん 外国人の ほんご 日本語について

Trang về tiếng Nhật
của người nước ngoài



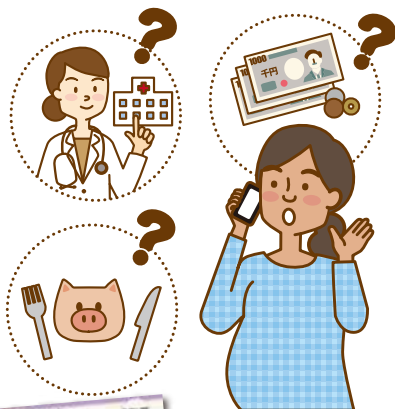
子どもを育てるとき

Khi nuôi dạy con cái

日本語が わかると、子どもを育てるときに役に立ちます。

Biết tiếng Nhật sẽ có ích khi nuôi dạy con cái.

子どもをうむ前 Trước khi sinh con



子どもをうむときに、自分にあった病院を探することができます。

Khi sinh con, có thể tìm kiếm được bệnh viện phù hợp với mình.

たとえば、どれくらいお金がかかるか、女性の医者がいるかを病院に聞くことができます。

Ví dụ có thể hỏi bệnh viện xem mất khoảng bao nhiêu tiền, có bác sĩ nữ hay không.

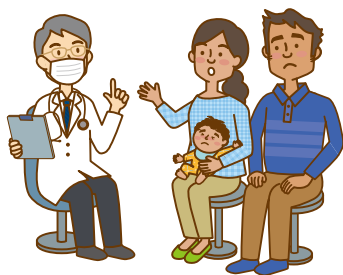


赤ちゃんをうんだり育てる時の手続きが書いてあります。

Có ghi các thủ tục liên quan khi sinh em bé cũng như khi nuôi dạy con cái.



子どもが病気になったとき Khi con cái bị bệnh

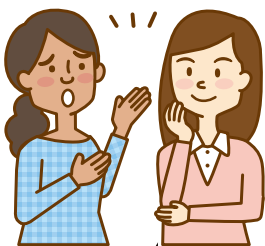


子どもの病気について、医者に話をすることができます。

Có thể trao đổi với bác sĩ về bệnh của con cái.

子どものことでなやんでいるとき Khi lo lắng về tình trạng của con cái

子どもが言うことを聞かなくて大変です。
Thật khó khăn khi không lắng nghe những gì con cái nói.



私の子どもも同じです。いっしょにがんばりましょう。
Con của tôi cũng vậy. Hãy cùng nhau cố gắng.

子どもの友だちのお母さんやお父さんなどと話をすることができます。

Có thể nói chuyện với mẹ hoặc cha của bạn bè của con cái mình.

話をすると、気持ちが楽になるかもしれません。

Nói chuyện có thể làm cho tâm trạng cảm thấy tốt hơn.

がっこう せん せい はなし
学校の 先生と 話をするとき Khi nói chuyện với giáo viên trong trường

こ 子どものことで そうだん 相談したいです。
Muốn trao đổi thảo luận về con cái.

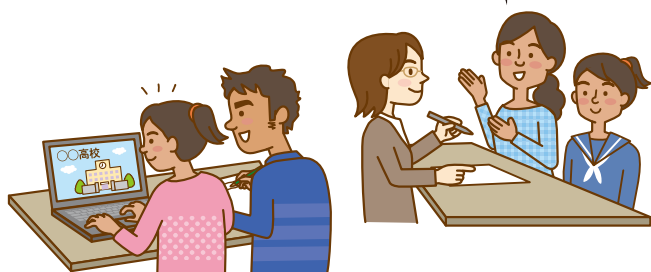


せん せい こ 子どものことで そうだん 先生に 子どものことで 相談したり、
がっこう こ 学校での 子どもの よう す 様子を
き 聞いたりすることが できます。

Có thể trao đổi thảo luận với giáo viên về vấn đề con cái hoặc có thể hỏi về tình trạng của con cái ở trường.

こ しん ろ かんが 子どもの 進路を 考えるとき Khi suy nghĩ về việc định hướng tương lai của con cái

わたし こ 私の 子どもの どのような しん ろ 進路が あっていますか。
Con của tôi đang có những định hướng tương lai thế nào?



こ ちゅう がっこう そつ ぎょう 子どもが 中学校を 卒業したあとの
しん ろ がっこう い 進路 (学校に 行く、 働く) を
せん せい そうだん 先生と 相談することが できます。

Có thể trao đổi thảo luận với giáo viên về lộ trình của con cái (đi học, đi làm) sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

に ほん こう こう 日本では 高校などに 入るときに
し けん 試験が あります。
Ở Nhật Bản sẽ có các kỳ thi khi vào trường trung học phổ thông, v.v...

こ 子どもの ことばについて Về ngôn ngữ của con cái

こ 子どもには、 ぼ こ に ほん こ たいせつ 母語も 日本語も 大切です。
Cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Nhật đều quan trọng đối với con cái.

ほ い く じょ よう ち えん に ほん こ は な こ しょう がっこう べん きょう つか 保育所や 幼稚園で 日本語を 話していた 子どもでも、 小学校の 勉強で 使う
に ほん こ 日本語が わからないことが あります。

Dù là những trẻ em đã nói tiếng Nhật từ khi ở các trường mẫu giáo hoặc nhà trẻ thì cũng có thể không hiểu được tiếng Nhật được sử dụng trong việc học tập ở trường tiểu học.

がく しゅう つか に ほん こ まい に ち せい か つ つか ひょう げん つか 学習で 使う 日本語は、 毎日の 生活では 使わない ことばや 表現を 使うからです。

Lý do là vì tiếng Nhật được sử dụng trong việc học tập có những từ ngữ và cách diễn đạt không được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

このような ことばや 表現が わかるには 時間 が かかります。

Việc để hiểu những từ ngữ và cách diễn đạt như thế thì cũng sẽ khá mất thời gian.



さん こう あい ち けん つく がい こく じん こ そだ じょう ほう か (参考) 愛知県が 作った 外国人のための 子育ての 情報が 書いてある ウェブサイト

(Tham khảo) Website có chứa thông tin về việc nuôi dạy con cái cho người nước ngoài do tỉnh Aichi xây dựng

こ そだ ちゅう い てん せい ど 子どもを 育てるときの 注意点や 制度 Những điểm cần lưu ý và chế độ khi nuôi dạy con cái

こ 子どもの ことばを どうするか (母語と 日本語) など

Nên làm gì với ngôn ngữ của con cái (tiếng mẹ đẻ và tiếng Nhật), v.v...



ぼ こ かみ こ おほ い み つか 母語: この紙では 「子どもが はじめて 覚える ことば」の 意味で 使っています。

Tiếng mẹ đẻ: Trong tài liệu này có nghĩa là

"Ngôn ngữ mà trẻ em được học từ khi sinh ra và nhớ đầu tiên".

みなと す がい こく じん こ え 港区に 住んでいる 外国人の 声
Chia sẻ từ người nước ngoài sống ở quận Minato

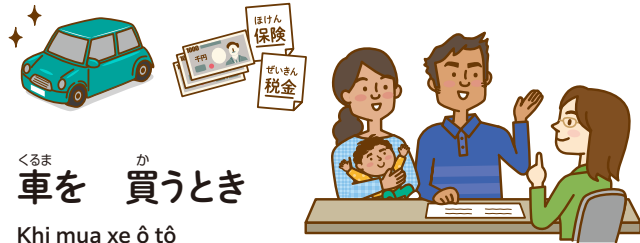


そのほかの ^{たい せつ} 大切なとき

Vào những thời điểm quan trọng khác

^{に ほん ご} 日本語が ^わ かわると、 ^{そのほかの} ^{たい せつ} 大切なときにも ^{やく た} 役に立ちます。

Biết tiếng Nhật cũng sẽ có ích vào những thời điểm quan trọng khác.



^{くるま} 車を ^か 買うとき

Khi mua xe ô tô



^{ひ こ} 引っ越しをするとき

Khi chuyển chỗ ở



^{こう ざ} 口座を ^つ 作る時

Khi lập tài khoản ngân hàng



^{ほ けん} 保険や ^{ぜい きん} 税金の ^{て づつ} 手続きをする時

Khi làm thủ tục bảo hiểm và thuế

※ほかにも ^{いろいろ} いろいろなときに ^{やく た} 役に立ちます。Ngoài ra còn có ích trong nhiều tình huống khác.

^{に ほん ご} 日本語を ^{べん きょう} 勉強したいとき ^{Khi muốn học tiếng Nhật}



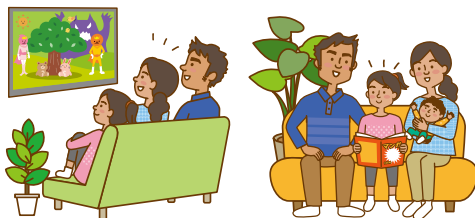
^{に ほん ご きょうしつ} 日本語教室で ^{べん きょう} 勉強する

Học trong lớp học tiếng Nhật



^{インターネット} インターネットで ^{べん きょう} 勉強する

Học trên internet



^{テレビ} テレビを ^{みる} 見る ・ ^{まんが} まんがを ^よ 読む

Xem tivi/đọc truyện tranh



^{に ほん じん} 日本人と ^{はな} 話す

Nói chuyện với người Nhật

^{な ご や し} 名古屋に ^{ある} ある
^{に ほん ご きょうしつ} 日本語教室の ^{ばしょ} 場所や ^{じ かん} 時間

Địa điểm và thời gian của lớp học tiếng Nhật ở thành phố Nagoya



^{に ほん ご} 日本語の ^{べん きょう} 勉強が ^{できる} できる
ウェブサイト

Website có thể học tiếng Nhật



^{つか} 使おう! ^{に ほん ご} 日本語
^{せい かつ} ~生活をするとき~

Hãy sử dụng! Tiếng Nhật
~ Khi sinh hoạt ~

